

# BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH CỦA CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Phan Trọng Nam<sup>1</sup> và Đoàn Thị Lệ Xuân<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Phan Trọng Nam, Email: ptnam@dthu.edu.vn

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 17/11/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 21/12/2024; Ngày duyệt đăng: 28/12/2024

## Tóm tắt

Hoạt động trải nghiệm đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện cho học sinh, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bài báo này trình bày kết quả phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm tại các trường trung học phổ thông ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, tập trung vào các khía cạnh: nhận thức của cán bộ quản lý, nội dung và hình thức tổ chức, phương pháp thực hiện, sự tham gia của các lực lượng giáo dục, và điều kiện cơ sở vật chất hỗ trợ. Kết quả khảo sát cho thấy nhiều hạn chế, bao gồm: Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị; Thiếu tiêu chí rõ ràng trong kiểm tra, đánh giá; Chương trình bồi dưỡng chưa đáp ứng nhu cầu; Thiếu sự hỗ trợ tài chính mang tính ổn định.

Từ đó, bài báo đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm bao gồm: Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết phù hợp với đặc thù địa phương; Đào tạo và nâng cao năng lực tổ chức cho GV; Tăng cường đầu tư và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất; Mở rộng hợp tác giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng; Đổi mới và linh hoạt trong phương pháp tổ chức hoạt động; Thiết lập quy trình giám sát và đánh giá khoa học, khách quan; Đa dạng hóa và ổn định hóa nguồn lực tài chính; Khuyến khích và tạo động lực để học sinh tham gia tích cực. Những biện pháp này nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện tại địa phương, góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**Từ khóa:** Đổi mới giáo dục, huyện Tam Nông, hoạt động trải nghiệm, quản lý giáo dục, học sinh trung học phổ thông, phát triển năng lực.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1428>

Trích dẫn: Phan, T. N., & Đoàn, T. L. X. (2024). Biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh của các trường trung học phổ thông ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 296-309. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1428>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## MANAGEMENT MEASURES FOR EXPERIENTIAL ACTIVITIES FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN TAM NONG DISTRICT, DONG THAP PROVINCE

Phan Trong Nam<sup>1\*</sup> and Doan Thi Le Xuan<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

<sup>2</sup>Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

\*Corresponding author: Phan Trong Nam, Email: ptnam@dthu.edu.vn

### Article history

Received: 17/11/2024; Received in revised form: 21/12/2024; Accepted: 28/12/2024

### Abstract

*Experiential activities play an important role in developing students' comprehensive qualities and capacities under the 2018 General Education Program. This article presents the results of assessing the current status of experiential activities management in high schools in Tam Nong district, Dong Thap province. It focuses on the aspects of management staff awareness, content and organization, implementation methods, participation of educational forces, and supporting facilities. The survey results show many limitations, including: Lack of facilities and equipment; Lack of clear criteria in testing and evaluation; Training programs that do not meet the needs; Lack of stable financial support.*

*From there, the article proposes measures to manage experiential activities, including: Developing specific and detailed activity plans suitable to local characteristics; Training and improving organizational capacity for teachers; Increasing investment and effective use of facilities; Expanding cooperation between schools, families and communities; Innovating and being flexible in organizing activities; Establishing scientific and objective monitoring and evaluation processes; Diversifying and stabilizing financial resources; Encouraging and motivating students to actively participate. These measures aim to improve the quality of comprehensive education in the locality, contributing to the effective implementation of the 2018 General Education Program.*

**Keywords:** *Experiential activities, educational management, educational reform, high school students, competency development, Tam Nong district.*

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) là một thành tố quan trọng trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, góp phần hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS). Thông qua HĐTN, HS không chỉ có cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tế mà còn phát triển kỹ năng sống, tư duy sáng tạo, và khả năng giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, tại các trường trung học phổ thông (THPT) ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, việc tổ chức và quản lý HĐTN còn gặp nhiều khó khăn, làm giảm hiệu quả của hoạt động này.

Nhiều nghiên cứu trước đây đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng liên quan đến HĐTN. Điển hình là nghiên cứu của Huỳnh và Trần (2024) tại Kiên Giang, hay Nguyễn (2024) tại Đà Lạt, hay Hà và Hoàng (2023) tại thành phố Thái Nguyên đã phân tích thực trạng tổ chức và quản lý HĐTN tại các địa phương này. Bên cạnh đó, còn có các nghiên cứu sâu hơn về HĐTN như “Khung năng lực tổ chức HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp của GV phổ thông” (Trần & cs., 2024), “Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS lớp 11 qua HĐTN trong môn Ngữ văn” (Ngọc & Nam, 2024), “Tổ chức HĐTN cho HS THPT” (Lê, 2019), và “Tổ chức HĐTN trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở thông qua dạy học tham quan thực địa” (Hoàng, 2020). Những kết quả nghiên cứu không chỉ làm rõ các vấn đề tồn tại mà còn đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tổ chức HĐTN, tạo nguồn tham khảo giá trị để vận dụng vào những địa phương khác, trong đó có huyện Tam Nông.

Để giải quyết những thách thức trong tổ chức và quản lý HĐTN tại huyện Tam Nông, việc đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng là rất cần thiết. Nghiên cứu này tập trung vào ba khía cạnh chính: (1) Tổ chức HĐTN; (2) Quản lý HĐTN; (3) Các yếu tố ảnh hưởng. Việc phân tích chặt chẽ ba khía cạnh này không chỉ giúp làm rõ thực trạng và nguyên nhân hạn chế mà còn mở ra cơ hội đề xuất các giải pháp phù hợp với đặc thù địa phương. Nghiên cứu được triển khai với sự tham gia của 873 đáp viên, bao gồm 36 cán bộ quản lý (CBQL), 78 giáo viên (GV), và 759 HS tại các trường THPT ở huyện Tam Nông. Các đáp viên là những người đang công tác hoặc học tập tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn. Dữ liệu được thu thập thông qua thang đo Likert 5 mức độ tăng dần, nhằm ghi nhận ý kiến đánh giá của đáp viên đối với các yếu tố thuộc tính của tổ chức và quản lý HĐTN. Mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng được đánh giá từ “ít ảnh hưởng” đến “ảnh hưởng rất nhiều.”

Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp bức tranh tổng quan về thực trạng tổ chức và quản lý HĐTN tại huyện Tam Nông mà còn đề xuất các giải pháp thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức và quản lý HĐTN tại địa phương, đồng thời hỗ trợ thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## 2. Nội dung

### 2.1. Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh của các trường trung học phổ thông huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

#### 2.1.1. Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm

Qua khảo sát cho thấy đa số đều nhận thức được vai trò quan trọng của HĐTN trong việc phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của HS.

CBQL đánh giá cao vai trò của HĐTN: Các nội dung như “HĐTN giúp nâng cao sự tự tin” (4,36/5 điểm) và “HĐTN phát triển kỹ năng sống” (4,33/5 điểm) được CBQL nhận định là quan trọng hàng đầu.

GV và HS có mức độ đồng thuận thấp hơn: GV đánh giá cao vai trò của HĐTN trong việc phát triển tư duy sáng tạo (4,04/5 điểm) và giáo dục trách nhiệm xã hội (4,05/5 điểm). Trong khi đó, HS tập trung nhiều hơn vào các nội dung thực tiễn như định hướng nghề nghiệp (3,99/5 điểm) và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề (4,05/5 điểm).

Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể trong đánh giá về sức khỏe thể chất. HS chỉ chấm 3,76/5 điểm cho nội dung này, cho thấy nhận thức của các em về lợi ích của HĐTN đối với sức khỏe thể chất chưa thực sự rõ ràng.

### *2.1.2. Nội dung tổ chức hoạt động trải nghiệm*

Nội dung HĐTN ở các trường THPT huyện Tam Nông tập trung vào nhiều lĩnh vực như khám phá bản thân, phát triển kỹ năng sống, xây dựng cộng đồng và định hướng nghề nghiệp.

Nội dung được đánh giá cao: “Tìm hiểu nghề nghiệp” (CBQL: 4,17/5, GV: 4,06/5, HS: 3,99/5) và “rèn luyện phẩm chất và năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp” (CBQL: 4,06/5, GV: 3,96/5, HS: 3,98/5) nhận được sự đồng thuận cao.

Nội dung cần cải thiện: Các hoạt động “khám phá bản thân” và “xây dựng cộng đồng” nhận được điểm trung bình thấp hơn, đặc biệt từ phía HS (3,77/5 và 3,91/5 điểm).

Điều này cho thấy cần tăng cường tổ chức các hoạt động giúp HS tự nhận thức về bản thân và gắn bó hơn với cộng đồng, tạo điều kiện để các em phát triển toàn diện cả về tư duy và kỹ năng.

### *2.1.3. Các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm*

Các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN bao gồm ban giám hiệu, GV chủ nhiệm, GV bộ môn, nhân viên thư viện, và cán bộ Đoàn Thanh niên.

Lực lượng nòng cốt: Ban giám hiệu (CBQL: 4,25/5) và GV chủ nhiệm (CBQL: 4,19/5, GV: 4,05/5, HS: 4,13/5) đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và tổ chức các hoạt động. Cán bộ Đoàn Thanh niên được HS đánh giá cao (4,00/5), nhờ khả năng tạo không khí sôi động và thúc đẩy sự tham gia của HS.

Lực lượng hỗ trợ: Nhân viên thư viện và hành chính có điểm đánh giá thấp hơn từ tất cả các nhóm. Vai trò của họ chủ yếu mang tính hỗ trợ gián tiếp, chưa tạo được sự gắn kết mạnh mẽ với HS.

### *2.1.4. Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm*

Hình thức tổ chức HĐTN tại các trường được thực hiện trong nhà trường và ngoài nhà trường, gắn với các nội dung hướng nghiệp, phục vụ cộng đồng, và trải nghiệm tự quản.

Hình thức phổ biến: Hoạt động trong nhà trường (CBQL: 4,31/5, GV: 4,03/5, HS: 3,94/5) và gắn với hướng nghiệp (CBQL: 4,22/5, GV: 4,03/5, HS: 3,94/5) được đánh giá cao nhất. Những hoạt động này thường có tính tổ chức chặt chẽ và gắn gũi với HS.

Hình thức cần đổi mới: Các hoạt động gắn với cộng đồng và ngoài nhà trường có điểm đánh giá thấp hơn, đặc biệt từ phía HS.

### *2.1.5. Thuận lợi và khó khăn trong tổ chức hoạt động trải nghiệm*

Thuận lợi: Vai trò tự chủ của nhà trường (CBQL: 4,08/5, GV: 3,94/5) và sự hỗ trợ từ đội ngũ GV (CBQL: 3,92/5, GV: 3,91/5) là những yếu tố tích cực nhất. Các HĐTN cũng được xây dựng phù hợp với tâm lý và độ tuổi HS, giúp các em phát triển kỹ năng mềm và sự tự tin.

Khó khăn: Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất hạn chế: Đây là vấn đề lớn nhất (CBQL: 3,33/5, GV: 3,44/5), ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tổ chức các HĐTN đa dạng và chất lượng cao. Thời gian tổ chức: Hạn chế về thời gian tổ chức hoạt động cũng được cả CBQL và GV đánh giá là rào cản lớn (CBQL: 3,19/5, GV: 3,38/5). Kinh nghiệm tổ chức của GV: GV tự đánh giá khả năng tổ chức của mình còn hạn chế (3,39/5), trong khi CBQL có sự tin tưởng cao hơn (3,28/5).

## **2.2. Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh của trường trung học phổ thông ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp**

### *2.2.1. Công tác lập kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm*

Việc lập kế hoạch tổ chức HĐTN được các trường thực hiện khá bài bản, với sự chú trọng đến việc xác định mục tiêu và điều kiện thực hiện. CBQL đánh giá cao sự rõ ràng của mục tiêu

chung (4,19/5 điểm) và mức độ chi tiết của mục tiêu theo từng lớp học (4,14/5 điểm). Tuy nhiên, GV có xu hướng đánh giá thấp hơn (lần lượt 3,81 và 3,87/5 điểm), phản ánh một số hạn chế trong việc triển khai kế hoạch đến đội ngũ GV.

Các nội dung như đánh giá điều kiện tổ chức và xác định nhu cầu thực tế của HS cũng nhận được đánh giá tích cực từ cả CBQL (3,97/5 điểm) và GV (3,90/5 điểm). Điều này cho thấy sự nỗ lực của các trường trong việc điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với nhu cầu và nguồn lực sẵn có.

#### *2.2.2. Công tác tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm*

Tổ chức thực hiện HĐTN được đánh giá khá tích cực, đặc biệt là ở khía cạnh thành lập ban chỉ đạo và phổ biến kế hoạch chi tiết. CBQL đánh giá cao việc phổ biến kế hoạch (4,00/5 điểm) và giao nhiệm vụ cụ thể (3,94/5 điểm), trong khi GV có mức đánh giá thấp hơn một chút (3,90 và 3,82/5 điểm).

Một điểm yếu nổi bật là tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho GV. Yếu tố này chỉ đạt 3,77/5 điểm từ CBQL và 3,76/5 điểm từ GV, cho thấy sự thiếu hụt trong việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để GV tổ chức HĐTN hiệu quả.

#### *2.2.3. Công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động trải nghiệm*

Công tác chỉ đạo được đánh giá cao nhất về sự phân cấp trong quản lý (CBQL: 4,06/5 điểm, GV: 3,91/5 điểm) và tạo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận (CBQL: 4,06/5 điểm, GV: 3,87/5 điểm). Điều này cho thấy các trường đã xây dựng được cơ chế chỉ đạo phù hợp, đảm bảo sự tham gia hiệu quả của toàn bộ đội ngũ.

Tuy nhiên, một số hạn chế như việc huy động các nguồn lực ngoài nhà trường (CBQL: 3,81/5 điểm, GV: 3,73/5 điểm) và phát huy hiệu quả các nguồn lực nội bộ (CBQL: 3,79/5 điểm, GV: 3,81/5 điểm) vẫn cần được cải thiện. Cô giáo phụ trách tổ bộ môn chia sẻ:

#### *2.2.4. Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động trải nghiệm*

Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng nhưng vẫn còn hạn chế. Dù CBQL đánh giá cao việc tuân thủ các quy định kiểm tra (4,17/5 điểm) và tính khách quan trong đánh giá (4,06/5 điểm), GV lại có mức đánh giá thấp hơn (lần lượt 3,90 và 3,84/5 điểm). Việc xác định tiêu chí đánh giá cụ thể và kết hợp hài hòa giữa đánh giá định tính và định lượng cũng nhận được mức điểm trung bình, phản ánh sự cần thiết của việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng.

#### *2.2.5. Công tác quản lý nguồn lực và lực lượng giáo dục ngoài nhà trường*

Quản lý nguồn lực và sự phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường được đánh giá ở mức trung bình khá. CBQL đánh giá cao quản lý đội ngũ GV (4,11/5 điểm) và tài liệu học tập (3,94/5 điểm), nhưng GV lại cho rằng các yếu tố này vẫn còn nhiều hạn chế (lần lượt 3,75 và 3,77/5 điểm). Đặc biệt, sự phối hợp với gia đình và cộng đồng được đánh giá thấp hơn, cho thấy đây là một lĩnh vực cần được cải thiện.

Thực trạng quản lý HĐTN tại các trường THPT ở huyện Tam Nông đã đạt được một số thành tựu, đặc biệt là trong việc lập kế hoạch và xây dựng cơ chế chỉ đạo. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức lớn trong tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và quản lý nguồn lực.

### **2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh của các trường trung học phổ thông ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp**

#### *2.3.1. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan*

Các yếu tố khách quan đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và định hướng công tác quản lý HĐTN. Trong đó, các văn bản hướng dẫn từ Sở Giáo dục và Đào tạo được CBQL và GV đánh giá cao nhất với điểm trung bình lần lượt là 3,75 và 3,85. Đây là cơ sở pháp lý và định hướng cụ thể giúp các trường tổ chức HĐTN hiệu quả. Chỉ đạo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng

được đánh giá tích cực (CBQL: 3,69, GV: 3,76), cho thấy vai trò quan trọng của cấp trên trong việc đảm bảo tính đồng bộ và mục tiêu giáo dục.

Tuy nhiên, một số yếu tố như sự ủng hộ của chính quyền và cộng đồng (CBQL: 3,47, GV: 3,68) và sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp (CBQL: 3,58, GV: 3,56) vẫn còn hạn chế. Điều này phản ánh rằng sự phối hợp giữa các lực lượng ngoài nhà trường và các trường học chưa thực sự chặt chẽ. Mặt khác, sự hỗ trợ của công nghệ được đánh giá khá tích cực (CBQL: 3,61, GV: 3,78), mở ra cơ hội ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng HĐT.N.

### 2.3.2. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

Yếu tố chủ quan bao gồm năng lực quản lý, chuyên môn của GV, và sự tham gia của HS. Mức độ chủ động và tích cực của HS được đánh giá cao nhất (CBQL: 3,92, GV: 3,77), cho thấy vai trò trung tâm của HS trong các HĐT.N. Tinh thần trách nhiệm và thái độ sáng tạo của GV cũng được đánh giá cao (CBQL: 3,89, GV: 3,77), phản ánh sự nỗ lực của GV trong việc thúc đẩy và tổ chức các HĐT.N.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất và tài chính của nhà trường lại nhận được mức đánh giá trung bình thấp (CBQL: 3,72, GV: 3,72). Nhiều GV phản ánh rằng các tài liệu học tập, thiết bị hỗ trợ và điều kiện vật chất còn thiếu thốn, gây khó khăn trong việc tổ chức các HĐT.N đa dạng và hiệu quả. Bên cạnh đó, sự đồng thuận và hỗ trợ từ phụ huynh cũng là một thách thức (CBQL: 3,47, GV: 3,59), cho thấy cần nâng cao nhận thức của phụ huynh về vai trò của HĐT.N trong phát triển toàn diện cho HS.

## 2.4. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh của trường trung học phổ thông ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp

### 2.4.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm cụ thể, chi tiết và phù hợp với đặc thù địa phương

a. Mục tiêu của biện pháp: Đảm bảo HĐT.N được tổ chức theo hướng khoa học, có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chương trình giáo dục và điều kiện thực tế của huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; Phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của HS thông qua việc tích hợp kiến thức, kỹ năng và giá trị thực tiễn gắn với đời sống địa phương; Tăng cường sự liên kết giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong tổ chức các HĐT.N, góp phần giáo dục ý thức xã hội và tình yêu quê hương cho HS.

#### b. Nội dung của biện pháp

- Lập kế hoạch chi tiết HĐT.N: Xác định mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho từng hoạt động, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường; Phân bổ thời gian, địa điểm, nguồn lực và hình thức tổ chức cụ thể cho từng hoạt động; Lựa chọn các nội dung trải nghiệm gắn liền với thực tiễn địa phương như nghề truyền thống, bảo tồn thiên nhiên, văn hóa bản địa và các hoạt động tình nguyện cộng đồng.

- Đảm bảo nguồn lực và điều kiện triển khai: Phân bổ nhân sự phù hợp, bao gồm GV, CBQL và lực lượng hỗ trợ từ cộng đồng; Dự trù kinh phí chi tiết và tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ phụ huynh, doanh nghiệp địa phương và các tổ chức xã hội; Kiểm tra và chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho các hoạt động.

- Đánh giá và cải tiến kế hoạch: Thiết lập các tiêu chí đánh giá rõ ràng cho từng HĐT.N; Thực hiện tổng kết và thu thập ý kiến phản hồi từ HS, GV và phụ huynh để cải tiến các hoạt động trong tương lai.

#### c. Cách thức thực hiện

- Khảo sát nhu cầu và điều kiện thực tế: Xây dựng và phát phiếu khảo sát để thu thập ý kiến của HS và phụ huynh về mong muốn và nhu cầu tham gia các HĐT.N; Tổ chức phỏng vấn trực tiếp hoặc nhóm thảo luận với đại diện HS, phụ huynh và GV để nắm bắt sở thích, năng lực

và nguyện vọng; Phân tích điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội của huyện Tam Nông để lựa chọn các nội dung trải nghiệm phù hợp, như làng nghề, di tích lịch sử, và khu bảo tồn thiên nhiên.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể: Xác định các chủ đề trải nghiệm phù hợp với chương trình học và nhu cầu HS, như tham quan thực tế, hoạt động làm việc nhóm hoặc dự án cộng đồng; Soạn thảo tài liệu hướng dẫn chi tiết về nội dung, mục tiêu, phương pháp tổ chức và các bước thực hiện; Quy định rõ thời gian và địa điểm tổ chức, đảm bảo các hoạt động không trùng lặp với lịch học và phù hợp với điều kiện thời tiết.

- Triển khai và đánh giá: Tổ chức các buổi họp để phổ biến kế hoạch đến GV, nhân viên và HS, đồng thời hướng dẫn cách thực hiện chi tiết; Điều phối nhân sự tham gia, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng GV hoặc cán bộ phụ trách; Thực hiện đánh giá kết quả hoạt động thông qua các tiêu chí cụ thể như mức độ tham gia của HS, kết quả đạt được và phản hồi từ các bên liên quan; Tổng hợp ý kiến phản hồi và tổ chức các buổi họp rút kinh nghiệm để cải tiến kế hoạch cho các HĐTN trong tương lai.

#### 2.4.2. Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên

a. *Mục tiêu của biện pháp*: Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng tổ chức HĐTN của GV, giúp họ đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và mục tiêu phát triển toàn diện cho HS; Trang bị cho GV các phương pháp và kỹ thuật tổ chức HĐTN hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; Đổi mới và sáng tạo trong tổ chức HĐTN, đảm bảo tính hấp dẫn, ý nghĩa và hiệu quả giáo dục cao.

##### b. *Nội dung của biện pháp*

- Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của GV: Thu thập thông tin từ GV về các kỹ năng cần được nâng cao, như lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và xử lý tình huống trong HĐTN; Đánh giá thực trạng năng lực của GV qua phiếu khảo sát, phỏng vấn và quan sát thực tế.

- Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Thiết kế chương trình đào tạo chuyên biệt, bao gồm lý thuyết về giáo dục trải nghiệm và thực hành tổ chức các hoạt động thực tế; Chương trình tập trung vào các nội dung: lập kế hoạch hoạt động, hướng dẫn thực hiện, xử lý tình huống và đánh giá kết quả; Cập nhật các phương pháp giáo dục trải nghiệm mới, kết hợp với các mô hình thực tiễn tại địa phương.

- Tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng: Tổ chức các khóa học định kỳ, các buổi tập huấn và hội thảo chuyên đề với sự tham gia của chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục trải nghiệm; Các khóa đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo cơ hội cho GV thực hành tổ chức HĐTN qua các tình huống mô phỏng hoặc thực tế.

- Xây dựng mạng lưới chia sẻ kinh nghiệm: Thiết lập các diễn đàn hoặc nhóm trao đổi trực tuyến, nơi GV có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng và bài học từ quá trình tổ chức HĐTN; Khuyến khích GV báo cáo và tổng kết các hoạt động hiệu quả, từ đó nhân rộng mô hình tổ chức tốt trong các trường học.

- Đánh giá và điều chỉnh chương trình bồi dưỡng: Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo qua phản hồi của GV và kết quả tổ chức HĐTN sau đào tạo; Ghi nhận các ý kiến đóng góp từ GV để điều chỉnh nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức chương trình đào tạo.

##### c. *Cách thức thực hiện*

- Khảo sát và đánh giá thực trạng: Phát phiếu khảo sát để thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo của GV; Quan sát thực tế và phỏng vấn GV để xác định rõ các kỹ năng cần được bồi dưỡng thêm.

- Thiết kế chương trình đào tạo: Phối hợp với chuyên gia để xây dựng nội dung đào tạo chi tiết, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của GV; Lên kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo, từ cơ bản đến nâng cao, giúp GV nâng cao năng lực từng bước.

- Tổ chức đào tạo và thực hành: Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo và các lớp học chuyên đề với sự tham gia của chuyên gia và GV có kinh nghiệm; Tạo điều kiện để GV tham gia thực hành trực tiếp các kỹ năng tổ chức HĐTN qua các dự án nhỏ hoặc tình huống thực tế.

- Xây dựng mạng lưới hỗ trợ và chia sẻ: Thành lập các nhóm trao đổi kinh nghiệm, khuyến khích GV chia sẻ cách làm hiệu quả và rút kinh nghiệm từ các hoạt động thực tế; Xây dựng cơ chế hỗ trợ GV thông qua các buổi họp định kỳ hoặc diễn đàn trực tuyến.

- Đánh giá và cải tiến: Sau mỗi khóa đào tạo, thực hiện khảo sát ý kiến GV để đánh giá chất lượng chương trình; Dựa trên các ý kiến đóng góp, điều chỉnh nội dung đào tạo để phù hợp hơn với nhu cầu và thực tiễn tổ chức HĐTN trong trường học.

#### *2.4.3. Tăng cường đầu tư và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động trải nghiệm*

*a. Mục tiêu của biện pháp:* Cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu tổ chức các HĐTN đa dạng, đảm bảo HS được học tập và rèn luyện trong môi trường thuận lợi, an toàn và hiện đại; Tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có, tối ưu hóa nguồn lực để hỗ trợ tốt nhất cho các HĐTN của HS; Xây dựng nền tảng lâu dài, ổn định để đảm bảo chất lượng và tính bền vững của các HĐTN tại nhà trường.

##### *b. Nội dung của biện pháp*

- Đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nâng cấp các phòng học chuyên dụng, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, và không gian ngoài trời để phục vụ các HĐTN phong phú; Đầu tư các thiết bị hỗ trợ học tập như công cụ thí nghiệm, thiết bị mô phỏng, đồ dùng thực hành và thiết bị công nghệ thông minh; Cải thiện các hạng mục an toàn, như hệ thống ánh sáng, khu vực vệ sinh và các trang thiết bị bảo hộ cần thiết.

- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện có: Thiết lập quy trình bảo quản và sử dụng trang thiết bị, tránh lãng phí hoặc hư hỏng do sử dụng không đúng cách; Phân bổ lịch sử dụng cơ sở vật chất hợp lý giữa các lớp và các hoạt động, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu mà không gây xung đột.

- Huy động nguồn lực từ cộng đồng: Kêu gọi sự hỗ trợ tài chính từ phụ huynh, cộng đồng và các doanh nghiệp địa phương để bổ sung kinh phí đầu tư; Xây dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp để hỗ trợ việc nâng cấp cơ sở vật chất và cung cấp trang thiết bị cần thiết.

- Giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư: Theo dõi, đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị, đảm bảo các nguồn lực được quản lý chặt chẽ và phát huy tối đa giá trị.

##### *c. Cách thức thực hiện*

- Đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất và trang thiết bị: Người CBQL thực hiện kiểm tra, đánh giá toàn diện về tình trạng cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện có; Thu thập ý kiến từ GV và HS để xác định các nhu cầu cụ thể về cơ sở vật chất cần cải thiện hoặc bổ sung.

- Lập kế hoạch đầu tư và nâng cấp: Xây dựng kế hoạch chi tiết cho việc đầu tư, bao gồm dự toán chi phí, thứ tự ưu tiên và thời gian triển khai; Thiết kế các không gian học tập thực tiễn như khu vực trải nghiệm ngoài trời, phòng đa năng, hoặc khu vực thực hành chuyên biệt phù hợp với địa phương.

- Tận dụng và bảo quản cơ sở vật chất hiện có: Xây dựng quy định sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất rõ ràng, giao trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận hoặc cá nhân liên quan; Tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng thiết bị cho GV và HS để đảm bảo các thiết bị được sử dụng đúng cách và hiệu quả.



- Huy động sự hỗ trợ từ cộng đồng và doanh nghiệp: Người CBQL kêu gọi sự đóng góp từ phụ huynh, tổ chức các buổi họp để thảo luận về nhu cầu đầu tư và lộ trình sử dụng kinh phí; Hợp tác với các doanh nghiệp địa phương để tài trợ thiết bị, dụng cụ hoặc hỗ trợ tài chính cho các HĐTN.

- Theo dõi và đánh giá hiệu quả: Thiết lập tiêu chí đánh giá về hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, bao gồm mức độ đáp ứng nhu cầu, tình trạng bảo quản và tần suất sử dụng; Thực hiện các báo cáo định kỳ, minh bạch về tình hình đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất để phụ huynh và cộng đồng nắm rõ, đồng thời cải thiện công tác quản lý.

*2.4.4. Mở rộng quan hệ hợp tác giữa nhà trường với phụ huynh, cộng đồng và doanh nghiệp*

*a. Mục tiêu của biện pháp:* Xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác bền vững giữa nhà trường, phụ huynh, cộng đồng và doanh nghiệp để hỗ trợ hiệu quả cho các HĐTN của HS; Huy động các nguồn lực từ phụ huynh, cộng đồng và doanh nghiệp, bao gồm nhân lực, vật lực và tài chính, nhằm đảm bảo tổ chức các HĐTN phong phú và chất lượng; Gắn kết các HĐTN của HS với thực tiễn đời sống và môi trường làm việc, giúp các em phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống và ý thức cộng đồng.

*b. Nội dung của biện pháp*

- Thiết lập quan hệ hợp tác với phụ huynh: Tạo điều kiện để phụ huynh tham gia vào việc xây dựng và tổ chức các HĐTN cho HS; Khuyến khích phụ huynh đồng hành với nhà trường trong việc cung cấp ý tưởng, tài trợ tài chính hoặc tham gia trực tiếp vào các hoạt động.

- Hợp tác với cộng đồng và tổ chức xã hội: Phối hợp với các tổ chức xã hội, câu lạc bộ và tổ chức văn hóa địa phương để tổ chức các HĐTN gắn liền với thực tiễn cộng đồng; Kêu gọi sự hỗ trợ từ các tổ chức xã hội trong việc cung cấp tài liệu, địa điểm và tổ chức các buổi học kỹ năng mềm, kỹ năng sống cho HS.

- Kết nối với doanh nghiệp địa phương: Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp địa phương để HS được tham gia các buổi tham quan thực tế, trải nghiệm nghề nghiệp và thực tập ngắn hạn; Kêu gọi sự tài trợ của doanh nghiệp trong việc tổ chức HĐTN và cung cấp các thiết bị, tài liệu cần thiết.

- Xây dựng cơ chế liên lạc và đánh giá hiệu quả: Thiết lập hệ thống liên lạc thường xuyên giữa nhà trường, phụ huynh, cộng đồng và doanh nghiệp để duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác; Thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả của các hoạt động hợp tác để không ngừng cải tiến và phát triển.

*c. Cách thức thực hiện*

- Xây dựng mối quan hệ hợp tác với phụ huynh: Tổ chức các buổi họp định kỳ để chia sẻ thông tin về kế hoạch HĐTN và kêu gọi sự tham gia của phụ huynh; Lựa chọn phụ huynh đại diện cho từng lớp để tạo kênh kết nối giữa nhà trường và phụ huynh; Khuyến khích phụ huynh tham gia vào các hoạt động như hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức hoặc tài trợ kinh phí.

- Hợp tác với cộng đồng và tổ chức xã hội: Người CBQL chủ động kết nối với các tổ chức xã hội để kêu gọi hỗ trợ và tài trợ cho các HĐTN; Thiết kế các HĐTN gắn liền với văn hóa, môi trường và các giá trị xã hội của cộng đồng địa phương, giúp HS học tập và đóng góp vào cộng đồng.

- Kết nối với doanh nghiệp địa phương: Liên hệ với các doanh nghiệp để tạo cơ hội cho HS tham quan thực tế tại các nhà máy, công ty, hoặc tham gia vào các chương trình thực tập; Mời doanh nghiệp tham gia vào các buổi chia sẻ hướng nghiệp, định hướng nghề hoặc tài trợ cho các dự án trải nghiệm; Xây dựng thỏa thuận hợp tác lâu dài với doanh nghiệp để duy trì sự hỗ trợ ổn định.

- Duy trì và đánh giá mối quan hệ hợp tác: Thiết lập các kênh liên lạc như email, nhóm mạng xã hội hoặc ứng dụng quản lý để duy trì kết nối với phụ huynh, cộng đồng và doanh nghiệp; Thực hiện khảo sát định kỳ để đánh giá hiệu quả hợp tác, từ đó điều chỉnh và cải thiện; Tổ chức các buổi họp tổng kết để ghi nhận đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch hợp tác cho năm học tiếp theo.

#### 2.4.5. Đổi mới và linh hoạt trong phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm

a. *Mục tiêu của biện pháp*: Tăng cường sự sáng tạo và hấp dẫn trong các HĐTN, khuyến khích HS tham gia tích cực, phát triển kỹ năng cần thiết và rèn luyện tư duy thực tế; Đảm bảo các HĐTN linh hoạt, có thể triển khai trong nhiều điều kiện khác nhau, từ trong trường học đến các môi trường ngoài trời, cộng đồng và doanh nghiệp; Đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của HS, phát huy năng lực cá nhân và giúp các em gắn kết kiến thức với thực tiễn thông qua các HĐTN mang tính ứng dụng cao.

##### b. *Nội dung của biện pháp*

- *Đổi mới nội dung và hình thức HĐTN*: Xây dựng các HĐTN đa dạng như dự án cộng đồng, thực nghiệm khoa học, hướng nghiệp, kỹ năng sống và bảo vệ môi trường; Kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau để phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu của từng nhóm HS.

- *Khuyến khích sự sáng tạo trong tổ chức hoạt động*: Đưa vào các phương pháp giảng dạy linh hoạt như làm việc nhóm, xử lý tình huống, phương pháp dự án và sử dụng công nghệ hỗ trợ để tăng tính tương tác và hấp dẫn; Tạo điều kiện cho GV và HS thử nghiệm các ý tưởng mới trong tổ chức HĐTN, từ đó cải tiến và nâng cao chất lượng.

- *Tạo môi trường học tập linh hoạt và phù hợp*: Xây dựng các không gian học tập ngoài trời, phòng thực hành và khu vực mô phỏng thực tế, giúp HS có trải nghiệm thực tiễn phong phú; Phối hợp với cộng đồng và doanh nghiệp để tổ chức các hoạt động tại cơ sở, doanh nghiệp hoặc các tổ chức xã hội.

##### c. *Cách thức thực hiện biện pháp*

- *Đổi mới nội dung và phương pháp tổ chức*: Khuyến khích GV thiết kế các HĐTN sáng tạo, đáp ứng sở thích và nhu cầu thực tế của HS; Tổ chức các buổi học tập qua dự án, mô phỏng tình huống và thực nghiệm khoa học, giúp HS phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề; Kết hợp công nghệ hiện đại như sử dụng ứng dụng học tập, video hướng dẫn hoặc thực tế ảo để nâng cao trải nghiệm học tập.

- *Linh hoạt trong hình thức tổ chức*: Xây dựng kế hoạch tổ chức linh hoạt, có thể triển khai trong nhiều điều kiện khác nhau: trong lớp học, ngoài trời, hoặc tại các doanh nghiệp và tổ chức xã hội; Tận dụng các khu vực xung quanh trường học như công viên, bảo tàng, làng nghề để tổ chức các buổi tham quan thực tế hoặc khám phá thiên nhiên.

- *Cá nhân hóa HĐTN*: Phân chia HS thành các nhóm dựa trên sở thích, năng lực và mục tiêu học tập, như nhóm khoa học, thể thao, văn hóa hoặc nghệ thuật; Thiết kế các hoạt động phù hợp với năng lực cá nhân, giúp HS phát huy tối đa điểm mạnh và khám phá tiềm năng của bản thân.

- *Gắn kết HĐTN với các vấn đề thực tiễn*: Tổ chức các dự án cộng đồng, hướng nghiệp và bảo vệ môi trường để HS tham gia và đóng góp tích cực vào xã hội; Xây dựng các hoạt động liên quan đến văn hóa dân tộc, giá trị truyền thống hoặc vấn đề xã hội hiện nay, giúp HS nhận thức rõ trách nhiệm của mình với cộng đồng.

- *Đánh giá và cải tiến phương pháp tổ chức*: Người CBQL và GV thiết lập tiêu chí đánh giá hiệu quả của các HĐTN, bao gồm mức độ tham gia, sự hài lòng của HS và phụ huynh, cũng như những giá trị mà HS nhận được; Tổ chức các buổi tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất cải tiến để nâng cao chất lượng HĐTN trong tương lai.

#### 2.4.6. Thiết lập quy trình giám sát và đánh giá khoa học, khách quan đối với hoạt động trải nghiệm

a. *Mục tiêu của biện pháp*: Đảm bảo các HĐTN được tổ chức và thực hiện hiệu quả, đáp ứng mục tiêu giáo dục và nhu cầu phát triển toàn diện của HS; Xây dựng hệ thống đánh giá minh bạch, khoa học và toàn diện, cung cấp thông tin khách quan về chất lượng, hiệu quả và tác động của các HĐTN; Hỗ trợ nhà trường kịp thời điều chỉnh và cải tiến kế hoạch tổ chức, tối ưu hóa nguồn lực và duy trì các HĐTN mang lại giá trị cao.

##### b. *Nội dung của biện pháp*

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá khoa học: Thiết lập các tiêu chí cụ thể, rõ ràng và có thể đo lường, bao gồm nội dung, mức độ tham gia, kết quả đạt được và sự hài lòng của HS, phụ huynh, GV; Tiêu chí đánh giá cần phản ánh đúng các kỹ năng và giá trị mà HS đạt được, như kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, ý thức trách nhiệm và nhận thức xã hội.

- Thiết lập quy trình giám sát toàn diện: Xây dựng quy trình giám sát từ khâu lập kế hoạch, triển khai, đến đánh giá kết quả và thu thập phản hồi, đảm bảo tính toàn diện và khách quan; Phân công nhiệm vụ giám sát cho các GV hoặc đội ngũ chuyên trách, ghi nhận dữ liệu chi tiết qua từng bước thực hiện.

- Thu thập và phân tích phản hồi từ các bên liên quan: Thiết kế cơ chế thu thập phản hồi từ HS, GV và phụ huynh để có góc nhìn đa chiều về hiệu quả của các HĐTN; Tổ chức khảo sát, phỏng vấn hoặc thảo luận nhóm để thu thập ý kiến và rút ra bài học kinh nghiệm.

##### c. *Cách thức thực hiện biện pháp*

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chi tiết: Người CBQL phối hợp với GV để xây dựng bộ tiêu chí đánh giá bao gồm các khía cạnh: Nội dung: Mức độ phù hợp của hoạt động với mục tiêu giáo dục và nhu cầu HS; Tham gia: Tỷ lệ HS tham gia tích cực và chất lượng tham gia; Kết quả: Kỹ năng, kiến thức và thái độ HS đạt được qua hoạt động; Phản hồi: Đánh giá mức độ hài lòng từ HS, phụ huynh và GV.

- Quy trình giám sát toàn diện: Lập kế hoạch giám sát chi tiết, bao gồm các giai đoạn: Trước hoạt động: Kiểm tra kế hoạch, chuẩn bị nguồn lực, phân công nhiệm vụ; Trong hoạt động: Theo dõi tiến trình, đảm bảo hoạt động diễn ra đúng kế hoạch và kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh; Sau hoạt động: Tổng hợp kết quả, phân tích dữ liệu và đưa ra nhận xét.

Tổ chức họp định kỳ với GV phụ trách để cập nhật tiến độ và giải quyết các vấn đề trong quá trình thực hiện.

- Thu thập ý kiến phản hồi: Sử dụng phiếu khảo sát hoặc phỏng vấn trực tiếp HS, GV và phụ huynh để thu thập ý kiến phản hồi; Thiết kế các phiếu đánh giá dễ hiểu, tập trung vào những khía cạnh quan trọng của hoạt động; Tổ chức thảo luận nhóm hoặc họp tổng kết để HS và GV chia sẻ kinh nghiệm, góp ý trực tiếp.

- Đánh giá và phân tích kết quả: Dựa trên bộ tiêu chí đánh giá, người CBQL phân tích dữ liệu để xác định hiệu quả của từng hoạt động; So sánh kết quả giữa các hoạt động để xác định những hoạt động có tác động tích cực và những hoạt động cần cải tiến; Lập báo cáo chi tiết với số liệu minh họa, đưa ra kết luận và khuyến nghị cho các hoạt động tiếp theo.

- Điều chỉnh và cải tiến HĐTN: Tổng hợp bài học kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh kế hoạch cho năm học tiếp theo; Lưu trữ các báo cáo và kết quả đánh giá để xây dựng ngân hàng dữ liệu phục vụ công tác quản lý và tổ chức HĐTN lâu dài; Tổ chức các buổi họp tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV để cải tiến và nâng cao chất lượng tổ chức HĐTN.

#### 2.4.7. Đa dạng hóa và ổn định hóa nguồn lực tài chính cho hoạt động trải nghiệm

a. *Mục tiêu của biện pháp*: Đảm bảo nguồn tài chính ổn định và bền vững để tổ chức các HĐTN thường xuyên, đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của HS; Huy động và tận dụng hiệu

quả các nguồn lực tài chính từ nhiều bên, bao gồm nhà trường, phụ huynh, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội; Giảm thiểu sự phụ thuộc vào một nguồn tài chính duy nhất, tạo sự linh hoạt và ổn định trong triển khai HĐTN ngay cả khi có khó khăn tài chính.

*b. Nội dung của biện pháp*

- Xây dựng chiến lược huy động tài chính từ nhiều nguồn: Kết hợp ngân sách nhà trường, đóng góp từ phụ huynh, tài trợ từ doanh nghiệp, và hỗ trợ từ các tổ chức xã hội để đa dạng hóa nguồn lực tài chính; Phát triển các chương trình hợp tác với cộng đồng và doanh nghiệp để tạo nguồn tài trợ ổn định và lâu dài.

- Thiết lập quỹ tài chính riêng cho HĐTN: Tạo quỹ riêng để quản lý tài chính một cách hiệu quả và đảm bảo nguồn lực bền vững cho các hoạt động; Quỹ này sẽ tiếp nhận và quản lý nguồn tài trợ từ nhiều nguồn, đảm bảo minh bạch và dễ kiểm soát.

- Quản lý và phân bổ tài chính hợp lý: Lập kế hoạch chi tiêu chi tiết và minh bạch cho từng hoạt động, đảm bảo nguồn lực được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả; Theo dõi và đánh giá việc sử dụng tài chính để kịp thời điều chỉnh và tối ưu hóa nguồn lực.

*c. Cách thức thực hiện biện pháp*

- Lập kế hoạch tài chính chi tiết cho HĐTN. Người CBQL phối hợp với bộ phận tài chính và GV để xây dựng kế hoạch tài chính chi tiết, bao gồm: Dự toán chi phí cho từng hoạt động; Phân bổ nguồn tài chính theo thứ tự ưu tiên; Xây dựng phương án dự phòng để ứng phó với tình huống khó khăn tài chính.

- Huy động tài chính từ phụ huynh và cộng đồng: Tổ chức các buổi họp với phụ huynh để trình bày kế hoạch HĐTN và kêu gọi đóng góp; Phát động các sự kiện gây quỹ như hội chợ, triển lãm, chương trình từ thiện để huy động sự ủng hộ từ cộng đồng; Khuyến khích phụ huynh tham gia trực tiếp vào việc hỗ trợ tổ chức và đóng góp kinh phí cho các hoạt động.

- Kêu gọi tài trợ từ doanh nghiệp và tổ chức xã hội: Chủ động liên hệ với các doanh nghiệp địa phương và tổ chức xã hội để tìm kiếm tài trợ; Ký kết thỏa thuận hợp tác với các đơn vị sẵn sàng tài trợ bằng tiền mặt, thiết bị hoặc tài nguyên hỗ trợ HĐTN; Đảm bảo minh bạch và tôn vinh sự đóng góp của doanh nghiệp và tổ chức xã hội thông qua các sự kiện tri ân.

- Thiết lập quỹ tài chính riêng cho HĐTN: Phối hợp với bộ phận tài chính của nhà trường để thành lập quỹ riêng, đảm bảo nguồn kinh phí ổn định và linh hoạt. Quỹ này sẽ tiếp nhận tài trợ từ nhiều nguồn và sử dụng cho các HĐTN dựa trên kế hoạch cụ thể.

- Giám sát và đánh giá việc sử dụng tài chính: Người CBQL thực hiện giám sát chặt chẽ việc phân bổ và sử dụng nguồn tài chính, đảm bảo minh bạch và hiệu quả; Công khai báo cáo tài chính định kỳ, cung cấp thông tin chi tiết về nguồn kinh phí và chi tiêu để phụ huynh và các bên liên quan có thể giám sát và góp ý; Xây dựng quy trình kiểm tra, đánh giá việc sử dụng tài chính để đảm bảo các nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, tránh lãng phí.

*2.4.8. Khuyến khích và tạo động lực để học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động trải nghiệm*

*a. Mục tiêu của biện pháp:* Tạo động lực mạnh mẽ để HS tham gia tích cực vào các HĐTN, từ đó phát triển toàn diện về kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và tinh thần trách nhiệm; Khuyến khích HS chủ động khám phá, học hỏi thông qua các HĐTN, phát huy tối đa năng lực cá nhân và khả năng đóng góp cho cộng đồng; Xây dựng môi trường học tập tích cực, thân thiện, nơi HS cảm thấy được ghi nhận, trân trọng và phát huy vai trò trung tâm trong các HĐTN.

*b. Nội dung của biện pháp*

Xây dựng các hình thức khen thưởng và ghi nhận đóng góp: Thiết lập hệ thống khen thưởng rõ ràng, công bằng để ghi nhận thành tích và sự nỗ lực của HS trong các HĐTN; Khen

thường không chỉ tập trung vào kết quả mà còn đánh giá cao quá trình tham gia, tinh thần trách nhiệm và sự tiến bộ của HS.

- Đa dạng hóa và làm mới các HĐTN: Thiết kế các HĐTN thú vị, sáng tạo, phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu phát triển của HS; Kết hợp nhiều hình thức trải nghiệm như dự án cộng đồng, hướng nghiệp, khám phá khoa học, tình nguyện và kỹ năng sống để tạo sự mới mẻ và hấp dẫn.

- Khuyến khích HS tham gia vào quá trình tổ chức: Đưa HS vào vai trò trung tâm trong việc lên kế hoạch, chuẩn bị và thực hiện các HĐTN, giúp các em phát huy tính tự giác và trách nhiệm; Tạo cơ hội cho HS đảm nhận vai trò lãnh đạo nhóm, quản lý dự án, hoặc đóng vai trò tổ chức trong các hoạt động.

### *c. Cách thức thực hiện biện pháp*

- Tổ chức các HĐTN phong phú và hấp dẫn: Phối hợp với GV để xây dựng các HĐTN đa dạng, gắn với thực tiễn, đáp ứng sở thích và nhu cầu của HS, như: Tham quan thực tế tại các cơ sở nghề nghiệp, tổ chức cộng đồng; Tham gia các dự án xã hội, tình nguyện hoặc hoạt động bảo vệ môi trường; Các cuộc thi sáng tạo hoặc chương trình trải nghiệm kỹ năng sống, kỹ năng mềm; Đảm bảo các hoạt động có yếu tố thử thách, khuyến khích HS khám phá năng lực bản thân và vượt qua giới hạn của chính mình.

- Xây dựng hệ thống khen thưởng và ghi nhận thành tích: Người CBQL thiết lập các hình thức khen thưởng đa dạng, từ giấy khen, phần thưởng vật chất, đến các chứng nhận thành tích; Công bố thành tích của HS trên các bảng danh dự, trong các buổi sinh hoạt chung hoặc trên các kênh thông tin của nhà trường; Tổ chức các buổi lễ tôn vinh, vinh danh HS có đóng góp nổi bật trong các HĐTN để khuyến khích tinh thần tham gia của các em.

- Khuyến khích HS tham gia vào quá trình tổ chức: Tổ chức các buổi họp hoặc thảo luận để thu thập ý kiến của HS, từ đó xây dựng nội dung HĐTN phù hợp với mong muốn của các em; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm HS, từ lập kế hoạch, chuẩn bị đến triển khai hoạt động, giúp các em phát triển kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm; Tạo cơ chế hỗ trợ và cố vấn để HS tự thiết kế và quản lý các dự án trải nghiệm, khuyến khích sự sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

- Tạo cơ hội để HS phát triển kỹ năng và ý thức xã hội: Thiết kế các HĐTN gắn liền với các vấn đề thực tế trong cộng đồng, như bảo vệ môi trường, hoạt động văn hóa, tình nguyện hoặc hỗ trợ người yếu thế; Khuyến khích HS tham gia các dự án trải nghiệm dài hạn, như chăm sóc môi trường, nghiên cứu khoa học hoặc hoạt động thiện nguyện, giúp các em phát triển tinh thần trách nhiệm và ý thức đóng góp xã hội.

- Thu thập phản hồi và cải tiến hoạt động: Thực hiện khảo sát hoặc thảo luận nhóm để thu thập ý kiến phản hồi từ HS về các hoạt động đã tham gia; Phân tích ý kiến phản hồi để điều chỉnh và nâng cao chất lượng các HĐTN trong tương lai, đảm bảo phù hợp với mong muốn và nhu cầu của HS; Tổ chức các buổi tổng kết sau mỗi kỳ học hoặc năm học để rút ra bài học kinh nghiệm và cải tiến liên tục.

### **3. Kết luận**

HĐTN đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của HS, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Qua quá trình nghiên cứu và phân tích thực trạng quản lý HĐTN tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, bài báo đã đưa ra những kết luận chính sau:

Công tác quản lý HĐTN tại các trường THPT ở huyện Tam Nông đã đạt được một số kết quả tích cực. Nhiều trường đã chú trọng vào việc xây dựng kế hoạch tổ chức và triển khai các HĐTN gắn với mục tiêu giáo dục và thực tiễn địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như: việc lập kế hoạch còn thiếu chi tiết, nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất chưa được sử dụng hiệu quả, sự phối hợp giữa nhà trường và các bên liên quan chưa đồng bộ.

Nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống các biện pháp quản lý khoa học, phù hợp với đặc thù địa phương. Các biện pháp đề xuất không chỉ hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý HĐTN mà còn giúp các trường THPT tại huyện Tam Nông thực hiện tốt hơn mục tiêu giáo dục toàn diện, phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời, các giải pháp này có thể áp dụng cho các trường phổ thông ở những khu vực có điều kiện tương tự.

Để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong triển khai các biện pháp, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, bao gồm cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường, phụ huynh, cộng đồng và doanh nghiệp. Chính quyền địa phương cần có các chính sách hỗ trợ thiết thực về tài chính và cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để các trường phổ thông phát huy tối đa vai trò của mình trong việc tổ chức và quản lý HĐTN.

### **Tài liệu tham khảo**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Hà, T. T. T., & Hoàng, T. L. (2023). Tổ chức hoạt động trải nghiệm xã hội cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông (Nghiên cứu trường hợp trường trung học phổ thông địa bàn thành phố Thái Nguyên). *TNU Journal of Science and Technology*. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7816>.
- Hoàng, P. H. (2020). Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở thông qua dạy học tham quan thực địa. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jssh.v129i6A.5453>.
- Huỳnh, M. T., & Trần, T. A. Đ. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp các trường trung học phổ thông huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 142-149. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1413>.
- Lê, T. H. T. (2019). Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số 19 tháng 7/2019, 42-47.
- Ngọc, Đ. K., & Nam, N. T. H. (2024). Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh lớp 11 qua hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 60(1), 179-189. <https://doi.org/10.22144/ctujos.2024.238>.
- Nguyễn, T. V. H. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường trung học cơ sở ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(01S), 341-350. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1327>.
- Trần, T. T., Hoàng, T. M. L., & Nguyễn, Đ. P. A. (2024). Khung năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của giáo viên phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 13-18.